

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST

Ngày 30 - 8 - 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG - TỈNH NAM ĐỊNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Huệ;

2. Ông Trần Văn Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2021/TLST-TCDS ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-TCDS ngày 06 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 10A, xã XK, huyện XT, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 17, thị trấn XT, huyện XT, tỉnh Nam Định;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phạm Văn C, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 10A, xã XK, huyện XT, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng: Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 17, thị trấn XT, huyện XT, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt chị H; vắng mặt anh N, bà K).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh N có mối quan hệ làm ăn với nhau từ trước. Anh N cần tiền để kinh doanh nên đã hỏi vay chị, chị H đồng ý và cho anh N vay làm hai lần. Lần thứ nhất, vào ngày 01/02/2018, chị H đã chuyển cho anh N số tiền 80.000.000đ không ghi thời hạn vay. Lần thứ hai, vào ngày 26/12/2018, chị H cho anh N vay tiếp số tiền 90.000.000đ thời hạn vay 01 tháng với lãi suất thỏa thuận. Cả hai lần, anh N là người trực tiếp ký giấy vay tiền của chị H. Cuối năm 2019, mẹ đẻ anh N là bà Đỗ Thị K có đến nhà chị H trả thay cho anh N 20.000.000đ. Từ đó đến nay chị H đã nhiều lần yêu cầu anh N trả nợ nhưng anh N không trả. Vì vậy, chị H đã làm đơn khởi kiện đề N Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường buộc anh N phải thanh toán trả cho chị số tiền vay gốc 170.000.000đ và lãi tính đến ngày 02/6/2021 là 37.272.000đ. Tổng số tiền là 207.272.000đ.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn anh N trình bày: Về mối quan hệ giữa chị H và anh N như chị H đã trình bày là đúng. Anh N trình bày, nhất trí với chị H là có vay của chị H số tiền 80.000.000đ nhưng anh N đã trả lãi cho chị H được gần một năm với số tiền khoảng 70.000.000đ đến 80.000.000đ. Lần thứ hai có vay của chị H số tiền 40.000.000đ, tổng số tiền hai lần anh N vay là 120.000.000đ. Năm 2019, anh N có nhờ mẹ đẻ là bà Đỗ Thị K mang 20.000.000đ vào trả cho chị H, chồng chị H là anh Phạm Văn C đã nhận và viết vào giấy biên nhận cho mẹ anh N, số còn lại anh N cũng nói với chị H là cho anh N đi làm rồi trả dần, chị H đã đồng ý với anh N. Anh N còn trình bày, giấy vay tiền 26/12/2018 có chữ viết, chữ ký không phải do anh N viết ra, anh N chỉ xác nhận là có vay của chị H ở lần hai là 40.000.000đ chứ không phải 90.000.000đ như chị H trình bày, nếu hai bên không thỏa thuận được khoản vay này, anh N đề N giám định chữ ký và chữ viết trên giấy ghi nợ 26/12/2018. Tuy nhiên tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 07/7/2021 anh N lại không yêu cầu giám định chữ viết. Như vậy anh N chỉ xác nhận còn nợ chỗ chị H là 100.000.000đ, số tiền này anh N sẽ có trách nhiệm thanh toán cho chị H trong thời gian sớm nhất và sẽ trả dần thành từng đợt. Anh N cũng khẳng định, trong hai lần vay chị H, chỉ có mình anh N đứng lên vay, nên không liên quan gì đến vợ anh N, mục đích vay tiền để tiêu dùng cá nhân. Ngoài ra anh N không có ý kiến gì thêm

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày. Về phương thức trả nợ dần như bị đơn đã trình bày, nguyên đơn chị H không nhất trí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán

trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự đề N Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Phạm Văn N phải thanh toán trả cho chị Bùi Thị H, anh Phạm Văn C số tiền nợ gốc là 150.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở mối quan hệ quen biết tin tưởng nhau nên chị Bùi Thị H đã cho anh Phạm Văn N vay số tổng tiền là 170.000.000đ. Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai của các bên đương sự, biên bản hòa giải có đủ cơ sở khẳng định việc anh N có hợp đồng vay tiền với chị H là sự việc có thật.

[2] Về hợp đồng vay: Xét hợp đồng vay ngày 01/02/2018 giữa chị H và anh N là hợp đồng không có thời hạn. Xét hợp đồng vay ngày 26/12/2018 giữa chị H và anh N là hợp đồng có thời hạn vì hai bên có thỏa thuận thời hạn thanh toán. Đến hạn, anh N không trả nợ nên chị H khởi kiện đòi nợ. Anh N thừa nhận khoản vay của chị H ngày 01/02/2018 là 80.000.000đ; khoản vay ngày 26/12/2018 anh N chỉ thừa nhận vay 40.000.000đ. Tuy nhiên anh N không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh, do đó anh N vẫn phải trả số gốc của khoản vay ngày 26/12/2018 là 90.000.000đ. Anh N cũng đã viết một “Giấy khất nợ” thừa nhận có vay của chị H là 170.000.000đ. Do đó, có đủ cơ sở buộc anh N phải thanh toán trả cho chị H số tiền vay gốc 170.000.000đ là phù hợp pháp luật.

[3] Về việc chị H khai cho anh N vay ngày 01/02/2018 số tiền 80.000.000đ là phù hợp với giấy biên nhận bản gốc mà chị H đã nộp cho Tòa án; còn về khoản vay 26/12/2018 số tiền 90.000.000đ anh N khai vay tiền của chị H không phải ngày 26/12/2018 nhưng quá trình giải quyết vụ án anh N không xuất trình được chứng cứ chứng minh về ngày vay tiền. Căn cứ vào 02 giấy biên nhận và 01 giấy khất nợ do nguyên đơn xuất trình có đủ căn cứ khẳng định việc anh N vay tiền của chị H vào ngày 26/12/2018.

[4] Về số tiền gốc đã trả: Căn cứ vào lời khai của người làm chứng bà Đỗ Thị K, bị đơn anh Phạm Văn N, nguyên đơn chị Bùi Thị H đều công nhận bà Đỗ Thị K mẹ anh N đã trả cho chị H số tiền 20.000.000đ vào cuối năm 2019; chị H đồng ý số tiền

này sẽ được trừ vào số tiền vay gốc. Do đó số tiền vay gốc anh N còn phải trả là 150.000.000đ.

[5] Về lãi suất: Trong bản hợp đồng vay do nguyên đơn xuất trình, hai bên đều xác định là lãi suất theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Phạm Văn N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Bùi Thị H không phải nộp án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H đối với anh Phạm Văn N;
2. Buộc anh Phạm Văn N phải thanh toán trả cho chị Bùi Thị H, anh Phạm Văn C số tiền nợ gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc anh Phạm Văn N phải nộp 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Bùi Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.180.000đ (năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) tại biên lai số AA/2019/0002071 ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã Xuân Kiên, TT Xuân Trường;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phạm Văn Thung**